TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 373/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 25-8-2017
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Bang

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Quỹ
2. Bà Vương Thị Minh Tân

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Lương Thị Kim Huế – Thẩm tra viên Toà án của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 246/2017/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2017/QĐXX-ST ngày 02 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị Phương H, sinh năm 1978

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 3/2/99 Trần Quang Khải, phường N, thành phố N, tỉnh N.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Đức T, sinh năm 1976

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 3/2/99 Trần Quang Khải, phường N, thành phố N, tỉnh N.

Tại phiên tòa có mặt chị Trần Thị Phương H. Anh Phạm Đức T vắng mặt lần hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17-5-2017 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Trần Thị Phương H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Đức T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tháng 01-2014 tại Ủy ban nhân dân phường Năng Tĩnh, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống

hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên không hòa hợp nhau về lối sống và quan điểm, vợ chồng không có con chung nên từ đó xảy ra va chạm và đã sống ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị đề nghị Tòa giải quyết ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị H xác định vợ chồng không có con chung nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị H xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là anh Phạm Đức T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng anh T không đến Tòa án để làm bản tự khai, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa, nên anh T không có quan điểm để giải quyết vụ án.

Tại biên bản xác minh ngày 24 tháng 7 năm 2017 địa phương và gia đình anh Phạm Đức T cung cấp: Anh T và chị H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Năng Tĩnh, thành phố Nam Định năm 2014, và có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại số 3/2/99 đường Trần Quang Khải, phường N, thành phố N, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do anh chị không có con chung, chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị ở từ tháng 01-2017 và không còn quan tâm tới anh T. Về con chung, tài sản chung, công nợ hai bên không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 48 và Điều 97 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 nhận xét đánh giá về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử ly hôn giữa chị H và anh T.

Về con chung, tài sản chung và công nợ chung: chị H trình bày vợ chồng không có và không yêu cầu giải quyết. Do đó, không đặt ra xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là anh Phạm Đức T. Tại phiên tòa anh T vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:*

Chị Trần Thị Phương H và anh Phạm Đức T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tháng 01-2014 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố N, tỉnh N là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống của vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, lối sống, và quan điểm, vợ chồng không có con chung nên từ đó xảy ra va chạm, chị H đã không chung sống với anh T từ đầu năm 2017 cho đến nay. Tòa án đã triệu tập anh T, nhưng anh T không đến Tòa án làm tự khai, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa anh T vẫn vắng mặt không có lý do thể hiện việc anh không có thiện chí hòa giải, giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Tại phiên tòa chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị giải quyết ly hôn với anh T. Xét mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử ly hôn giữa chị H và anh T.

[3] *Về con chung, tài sản chung và công nợ chung*: Chị H xác nhận vợ chồng không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về án phí ly hôn sơ thẩm*: Chị H phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Trần Thị Phương H và anh Phạm Đức T.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Phương H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 03604 ngày 13-6-2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nam Định được đối trừ. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Phương H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Đức T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND thành phố Nam Định
- Chi cục THADS thành phố Nam Định;
- UBND phường N;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

(đã ký)

Phạm Văn Bang